

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000308 ngày 24 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 08 năm 2009.

Trụ sở được đặt tại KP3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.623.500.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2011 gồm:

- Xí nghiệp May Công Nghiệp đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Kho vận và Thương mại dịch vụ An Bình, KCN Biên Hòa I, P. An Bình.
- Xí nghiệp ván ép Tân Mai - Ấp Thái Hòa, Xã Hồ Nai III, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Gỗ Xuất Khẩu Tân Mai, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp May Đồng Thịnh, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Xây dựng Thống Nhất, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến gỗ, ván ép, ván dăm, hàng mộc tinh chế;
- May công nghiệp;
- Mua bán, đại lý ký gửi xăng dầu, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Mua bán gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp).

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quý Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tử Mục	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Trí	Thành viên
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Quách Văn Đức	Thành viên

(Phần tiếp theo ở trang 2)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quý Hồng	Giám đốc
Ông Phạm Văn Sơ	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trí	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Giám đốc
Bà An Thị Phương	Phó Giám đốc

**3. Tình hình kinh doanh năm 2011**

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

**4. Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

**6. Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2012

**GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUÝ HỒNG**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 17 tháng 02 năm 2012 của Công ty cổ phần Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 29 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

*Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi lưu ý người đọc vấn đề sau:*

*Như đã nêu tại mục 4.15 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh số dư đầu kỳ của báo cáo tài chính năm 2011 theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 30 tháng 05 năm 2011.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ. 0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>125.491.990.233</b>	<b>106.009.395.032</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.013.033.972</b>	<b>28.508.768.050</b>
1. Tiền	111	5.1	27.013.033.972	2.508.768.050
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>72.247.846.387</b>	<b>53.973.673.379</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.848.789.230	24.351.890.656
2. Trả trước cho người bán	132		9.355.659.825	21.636.160.422
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		27.783.116.543	13.047.926.268
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.739.719.211)	(5.062.303.967)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>23.782.631.952</b>	<b>20.706.190.298</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.431.425.511	22.557.799.534
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(648.793.559)	(1.851.609.236)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.448.477.922</b>	<b>2.820.763.305</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	89.587.800	213.475.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	618.143.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	223.347.508	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	2.135.542.614	1.989.143.829

(Phần tiếp theo trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.252.138.699</b>	<b>92.061.966.552</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.291.119.784</b>	<b>67.783.241.623</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	54.875.715.258	45.382.644.190
+ Nguyên giá	222		99.770.347.774	86.585.752.948
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.894.632.516)	(41.203.108.758)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	24.415.404.526	22.400.597.433
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	5.9	<b>1.273.436.284</b>	<b>1.492.715.643</b>
+ Nguyên giá	241		4.769.201.859	4.769.201.859
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.495.765.575)	(3.276.486.216)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>8.544.374.817</b>	<b>16.183.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.708.600.000	3.708.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	6.875.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.600.000.000	5.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(764.225.183)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>143.207.814</b>	<b>6.602.409.286</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	-	6.532.507.522
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		143.207.814	69.901.764
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>214.744.128.932</b>	<b>198.071.361.584</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>117.715.930.193</b>	<b>108.816.652.099</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.292.423.765</b>	<b>93.802.812.661</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	17.197.714.700	7.307.588.750
2. Phải trả người bán	312	5.13	20.838.455.336	4.195.058.057
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	23.935.656.550	24.747.748.829
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.547.961.697	12.667.816.921
5. Phải trả người lao động	315	5.15	23.060.931.430	22.174.411.224
6. Chi phí phải trả	316	5.16	639.679.338	217.954.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	9.183.869.675	13.330.804.408
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.18	8.888.155.039	9.161.430.472
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.423.506.428</b>	<b>15.013.839.438</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	10.650.000.000	14.250.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		981.107.628	282.775.802
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.20	792.398.800	481.063.636
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>97.028.198.739</b>	<b>89.254.709.485</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>97.028.198.739</b>	<b>89.254.709.485</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	162.838.832
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.943.283.368	12.807.689.415
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.928.294.542	3.792.700.589
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		31.533.120.829	25.867.980.649
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>214.744.128.932</b>	<b>198.071.361.584</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		3.426.346.287	6.061.243.921
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		1.135.069,57	-
+ EUR		304,38	304,38
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUÝ HỒNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	358.706.604.063	250.620.125.414
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	543.251.000	64.461.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		358.163.353.063	250.555.664.414
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	292.970.397.213	209.923.133.026
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.192.955.850	40.632.531.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	30.495.311.832	1.724.491.149
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.452.036.683	3.171.242.384
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<b>1.499.481.713</b>	<b>1.729.027.272</b>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	8.309.678.441	5.248.763.334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	40.593.410.975	22.273.618.799
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.333.141.583	11.663.398.020
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.245.704.915	56.636.902.560
12. Chi phí khác	32	6.8	1.469.052.293	6.527.669.695
13. Lợi nhuận khác	40		(223.347.378)	50.109.232.865
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.109.794.205	61.772.630.885
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.471.221.195	14.026.370.525
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(73.306.050)	13.379.363
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.711.879.060	47.732.880.997
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		4.871	10.238

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**GIÁM ĐỐC**
  
**LÊ QUÝ HỒNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.109.794.205	61.772.630.885
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.586.043.542	7.281.210.493
Các khoản dự phòng	03		238.824.750	2.230.016.601
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		148.082.835	178.841.140
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(929.076.868)	(52.573.746.482)
Chi phí lãi vay	06		1.499.481.713	1.729.027.272
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>34.653.150.177</b>	<b>20.617.979.909</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.714.416.481)	(3.230.769.154)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.873.625.977)	(3.776.107.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16.560.041.608	11.703.914.159
Tăng giảm chi phí trả trước	12		6.656.395.472	1.721.212.764
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.499.481.713)	(1.572.904.151)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.223.237.518)	(3.235.688.646)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		393.132.382	15.241.525
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.055.244.666)	(3.410.507.275)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.896.713.284</b>	<b>18.832.372.131</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.065.614.313)	(11.902.428.967)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.018.090.906	20.250.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.765.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.875.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.008.950.095	663.099.241
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.163.573.312)</b>	<b>(3.755.029.726)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		48.066.659.680	48.452.533.230
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.776.533.730)	(56.864.653.720)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.519.000.000)	(4.776.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.228.874.050)</b>	<b>(13.188.520.490)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.495.734.078)</b>	<b>1.888.821.915</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>28.508.768.050</b>	<b>26.619.946.135</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>27.013.033.972</b>	<b>28.508.768.050</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**GIÁM ĐỐC****LÊ QUÝ HỒNG**

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000308 ngày 24 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 08 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KP3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.623.500.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2011 gồm:

- Xí nghiệp May Công nghiệp đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp Kho vận & Thương mại dịch vụ An Bình, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp Ván ép Tân Mai - ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Gỗ xuất khẩu Tân Mai, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp May Đồng Thịnh, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Xây dựng Thống Nhất, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, chế biến gỗ, ván ép, ván dăm, hàng mộc tinh chế, may công nghiệp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến gỗ, ván ép, ván dăm, hàng mộc, tinh chế;
- May công nghiệp;
- Mua bán, đại lý ký gửi xăng dầu, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Mua bán gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp).

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
+ Tài sản khác	05 – 12 năm

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
--------------------------	-------------

#### 4.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

#### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ của Công ty.

#### 4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Căn cứ Công văn số 830/CT-DN2 của Cục thuế Tỉnh Đồng Nai ngày 10 tháng 05 năm 2006 về việc "Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp", Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu cổ phần hóa (từ ngày 01/03/2006), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

---

### **4.13. Công cụ tài chính**

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.14. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### **4.15. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này. Trong năm 2011, Công ty có điều chỉnh số dư đầu kỳ của báo cáo tài chính theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 30 tháng 05 năm 2011.

*(Phần tiếp theo ở trang 16)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	397.749.102	335.106.938
Tiền gửi ngân hàng	26.615.284.870	2.173.661.112
Tiền đang chuyển	-	26.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.013.033.972</b>	<b>28.508.768.050</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	40.848.789.230	24.351.890.656
Trả trước cho người bán	9.355.659.825	21.636.160.422
Các khoản phải thu khác	27.783.116.543	13.047.926.268
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>77.987.565.598</b>	<b>59.035.977.346</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.739.719.211)	(5.062.303.967)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>72.247.846.387</b>	<b>53.973.673.379</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng ở Văn phòng công ty và các Xi nghiệp như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	29.123.713.332	11.077.164.871
Kho vận	426.201.600	339.024.000
Xi nghiệp Gỗ Hồ Nai	-	1.773.657.305
Xi nghiệp Ván ép	2.282.953.897	4.032.918.091
Xi nghiệp May Công nghiệp	457.659.297	47.838.070
Xi nghiệp May Đồng Thịnh	8.282.451.387	5.912.806.866
Xi nghiệp Gỗ Xuất khẩu	275.809.717	1.168.481.453
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.848.789.230</b>	<b>24.351.890.656</b>

Chi tiết các khoản trả trước người bán ở Văn phòng và các Xi nghiệp như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	2.418.314.717	6.639.872.480
Xi nghiệp Ván ép	232.334.500	241.505.950
Xi nghiệp May Công nghiệp	6.092.864.794	14.754.781.992
Xi nghiệp may Đồng Thịnh	612.145.814	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.355.659.825</b>	<b>21.636.160.422</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Phải thu khác tại Văn phòng Công ty</b>		
Phải thu của Ông Phan Trung Kiên	142.500.000	142.500.000
Phải thu của Ông Hà Như Phong	391.638.640	408.638.640
Phải thu của Ông Phan Gia Long	15.689.887	100.697.617
Phải thu Nguyễn Hữu Hiệp	-	17.420.000
Phải thu của Công ty Cổ phần Tân Mỹ Hưng	33.261.515	33.261.515
Phải thu của Công ty Việt Thuận Thành	26.912.000.000	11.200.000.000
Nộp thừa BHXH	212.995.224	341.768.264
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	107.024.444
Phải thu khác	75.031.277	1.531.401
<b>Phải thu khác tại Xí nghiệp Hồ Nai</b>		
Phải thu của Ông Nguyễn Minh Đức	-	694.584.387
<b>Phải thu khác tại Xí nghiệp Đồng Thịnh</b>		
		500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.783.116.543</b>	<b>13.047.926.268</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.342.321.949	4.766.798.752
Công cụ, dụng cụ	395.958.820	277.278.152
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.172.389.207	6.086.622.376
Thành phẩm	14.520.755.535	11.427.100.254
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>24.431.425.511</b>	<b>22.557.799.534</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(648.793.559)	(1.851.609.236)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>23.782.631.952</b>	<b>20.706.190.298</b>

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là do đơn vị đã bán hàng tồn kho đã lập dự phòng trong các năm trước.

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển	89.587.800	213.475.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.587.800</b>	<b>213.475.750</b>

**5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là thuế TNDN tạm nộp.

**5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	153.118.329
Tạm ứng	2.135.542.614	1.836.025.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.135.542.614</b>	<b>1.989.143.829</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	24.599.685.601	52.407.462.633	6.552.534.737	1.291.306.443	1.734.763.534	86.585.752.948
Mua trong năm	-	2.563.338.634	1.130.328.182	510.305.290	-	4.203.972.106
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.026.404.806	1.789.502.860	-	-	-	12.815.907.666
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.575.043.445)	(140.086.000)	-	-	(3.715.129.445)
Giảm khác	-	-	(120.155.501)	-	-	(120.155.501)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.626.090.407</b>	<b>53.185.260.682</b>	<b>7.422.621.418</b>	<b>1.801.611.733</b>	<b>1.734.763.534</b>	<b>99.770.347.774</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	7.106.416.484	29.772.910.087	1.702.395.860	1.148.771.055	1.472.615.272	41.203.108.758
Khấu hao trong năm	1.393.339.041	4.177.057.423	622.583.850	54.899.125	118.884.744	6.366.764.183
Tăng do trình bày lại	-	1.061.150.717	-	-	-	1.061.150.717
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.538.230.032)	(140.086.000)	-	-	(3.678.316.032)
Giảm khác	-	-	(58.075.110)	-	-	(58.075.110)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.499.755.525</b>	<b>31.472.888.195</b>	<b>2.126.818.600</b>	<b>1.203.670.180</b>	<b>1.591.500.016</b>	<b>44.894.632.516</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	17.493.269.117	22.634.552.546	4.850.138.877	142.535.388	262.148.262	45.382.644.190
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>27.126.334.882</b>	<b>21.712.372.487</b>	<b>5.295.802.818</b>	<b>597.941.553</b>	<b>143.263.518</b>	<b>54.875.715.258</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 29.371.689.106 đồng  
 – Xem thêm mục 5.12.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.395.143.440 đồng

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình nhà máy Thanh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	24.415.404.526	22.400.597.433
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.415.404.526</b>	<b>22.400.597.433</b>

**5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	4.769.201.859	4.769.201.859
Tăng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.769.201.859</b>	<b>4.769.201.859</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	3.276.486.216	3.276.486.216
Khấu hao trong năm	219.279.359	219.279.359
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.495.765.575</b>	<b>3.495.765.575</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.492.715.643	1.492.715.643
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.273.436.284</b>	<b>1.273.436.284</b>

**5.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	3.708.600.000	3.708.600.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	6.875.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.600.000.000	5.600.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>9.308.600.000</b>	<b>16.183.600.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(764.225.183)	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8.544.374.817</b>	<b>16.183.600.000</b>

Đầu vào cổ phiếu công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Đồng Nai	370.860	3.708.600.000	370.860	3.708.600.000
<b>Cộng</b>	<b>370.860</b>	<b>3.708.600.000</b>	<b>370.860</b>	<b>3.708.600.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>
Góp vốn vào công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Tam Phước	4.600.000.000
Công ty CP ĐT & QL Khu Liên Hợp Công Nông Nghiệp Đồng Nai	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.600.000.000</b>

**5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

Trong năm 2011, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí lợi thế thương mại vào chi phí trong năm, số tiền vượt quá chi phí phân bổ theo kế hoạch trong năm là 5.599.297.162 đồng.

**5.12. Vay ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngân hàng	12.300.000.000	1.200.000.000
Vay cá nhân	4.897.714.700	6.107.588.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.197.714.700</b>	<b>7.307.588.750</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Đồng Nai, mục đích bổ sung vốn lưu động, theo hợp đồng số 20100078/HDTD/SME/NHNT, lãi suất bình quân là 17,21%/năm, thế chấp bằng máy móc, thiết bị của công ty – xem thêm mục 5.7.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, chịu lãi suất theo lãi suất của ngân hàng.

**5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả người bán	20.838.455.336	4.195.058.057
Người mua trả tiền trước	23.935.656.550	24.747.748.829
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.774.111.886</b>	<b>28.942.806.886</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	16.929.968.352	66.984.054
Xí nghiệp Ván ép	1.149.089.296	545.870.942
Xí nghiệp May Công nghiệp	747.498.522	3.161.486.515
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	2.011.899.166	420.716.546
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.838.455.336</b>	<b>4.195.058.057</b>

Chi tiết người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	62.611.110	21.000.000
Xí nghiệp Ván ép	145.427.300	158.586.600
Xí nghiệp May Công nghiệp	23.700.246.228	24.537.105.467
Kho vận	7.371.912	31.056.762
Xí nghiệp may Đồng Thịnh	20.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.935.656.550</b>	<b>24.747.748.829</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	Số còn phải nộp đầu kỳ	Đã nộp trong kỳ	Phải nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
Thuế GTGT	-	(64.146.039)	1.490.108.964	1.425.962.925
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(737.233.111)	737.233.111	-
Thuế xuất nhập khẩu	12.060.436	(136.788.140)	138.409.338	13.681.634
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.528.668.815	(17.223.237.518)	4.471.221.195	(223.347.508)
Thuế thu nhập cá nhân	127.087.670	(488.110.667)	469.340.135	108.317.138
Thuế nhà đất	-	(231.330.350)	231.330.350	-
Thuế môn bài	-	(9.000.000)	9.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.667.816.921</b>	<b>(18.889.845.825)</b>	<b>7.546.643.093</b>	<b>1.324.614.189</b>

**5.15. Phải trả người lao động**

Là lương tháng 12 năm 2011 chưa chi và quỹ lương dự phòng.

**5.16. Chi phí phải trả**

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	40.230.000	516.666
Chi phí khám sức khỏe	127.610.000	82.885.000
Trích trước tiền thuê đất, phí hạ tầng	66.342.696	6.227.890
Trích trước tiền điện nước	142.418.019	128.324.444
Trích trước chi phí gia công	222.778.623	-
Trích trước chi phí khác	40.300.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>639.679.338</b>	<b>217.954.000</b>

**5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	8.155.690.000	9.349.990.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.028.179.675	3.980.814.408
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.183.869.675</b>	<b>13.330.804.408</b>

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả ông Lê Quang Kiệt	450.000.000	-
Phải trả ông Lê Văn Phi	100.000.000	-
Quý trách nhiệm xã hội, quỹ đền ơn	296.347.623	19.943.875
Thu hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa	-	5.152.742
Quý trách nhiệm xã hội	-	21.865.000
Thuế TNCN nộp hộ	-	11.042.237
Quý đóng góp của nhân viên	-	144.072.623
Phải trả công ty TNHH Vô Đắc	-	200.000.000
Phải trả Đỗ Thành Chiết	-	160.837.931
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	3.417.900.000
Phải trả khác	181.832.052	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.028.179.675</b>	<b>3.980.814.408</b>

**5.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	9.161.430.472	2.510.793.521
Trích lập trong năm	5.450.850.974	8.751.252.240
Chuyển từ quỹ khác sang	-	411.500.000
Sử dụng trong năm	(5.724.126.407)	(2.512.115.289)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.888.155.039</b>	<b>9.161.430.472</b>

**5.19. Vay và nợ dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay Quỹ đầu tư tỉnh Đồng Nai	10.650.000.000	14.250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.650.000.000</b>	<b>14.250.000.000</b>

Khoản vay Quỹ đầu tư tỉnh Đồng Nai bao gồm:

- Hợp đồng số 92/2009/HĐTD/ĐT với mục đích mua lại nhà xưởng sản xuất ván ép, dăm bào, ván veneer, thời gian vay là 62 tháng, lãi suất 9%/năm, tài sản thế chấp là nhà xưởng sản xuất ván ép sau khi được mua lại – xem thêm mục 5.6.
- Hợp đồng số 13/2010/HĐTD/ĐT, mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng của Xí nghiệp Gỗ xuất khẩu Tân Mai giai đoạn 2, thời hạn vay là 63 tháng, lãi suất 11,4%/năm. Tài sản thế chấp là : nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, theo hợp đồng thế chấp số 12/2010/HĐ – xem thêm mục 5.7.

**5.20. Doanh thu chưa thực hiện**

Là khoản khách hàng trả trước về tiền thuê kho.

(Phần tiếp theo ở trang 23)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.21. Vốn chủ sở hữu**

**5.21.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	46.623.500.000	12.941.540.126	-	281.401.770	59.846.441.896
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	47.732.880.997	47.732.880.997
Trích lập các quỹ	-	4.070.349.878	-	(12.821.602.118)	(8.751.252.240)
Trích cổ tức để chia	-	-	-	(9.324.700.000)	(9.324.700.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	162.838.832	-	162.838.832
Giảm khác	-	(411.500.000)	-	-	(411.500.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>16.600.390.004</b>	<b>162.838.832</b>	<b>25.867.980.649</b>	<b>89.254.709.485</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.711.879.060	22.711.879.060
Trích lập các quỹ	-	2.271.187.906	-	(7.722.038.880)	(5.450.850.974)
Trích cổ tức để chia	-	-	-	(9.324.700.000)	(9.324.700.000)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	-	(162.838.832)	-	(162.838.832)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>18.871.577.910</b>	<b>-</b>	<b>31.533.120.829</b>	<b>97.028.198.739</b>

**5.21.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm
Vốn góp của Nhà nước	70,14%	32.695.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29,86%	13.928.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>46.623.500.000</b>

**5.21.3. Cổ phần**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.662.350	4.662.350
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	22.711.879.060	47.732.880.997
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.662.350	4.662.350
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>4.871</b>	<b>10.238</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.21.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	25.867.980.649	281.401.770
Lợi nhuận sau thuế trong năm	22.711.879.060	47.732.880.997
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.135.593.953)	(2.035.174.939)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(1.135.593.953)	(2.035.174.939)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.542.375.812)	(8.140.699.757)
Trích lập Quỹ thường ban điều hành công ty	(908.475.162)	(610.552.483)
Chia cổ tức	(9.324.700.000)	(9.324.700.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>31.533.120.829</b>	<b>25.867.980.649</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	358.706.604.063	250.620.125.414
Giảm giá hàng bán	(329.917.000)	-
Hàng bán bị trả lại	(213.334.000)	(64.461.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>358.163.353.063</b>	<b>250.555.664.414</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	294.173.212.890	209.286.824.102
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.202.815.677)	636.308.924
<b>Tổng cộng</b>	<b>292.970.397.213</b>	<b>209.923.133.026</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.008.950.095	770.123.685
Chuyển nhượng vốn góp	27.500.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.610.816.912	666.027.234
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	349.748.425	288.340.230
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.796.400	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.495.311.832</b>	<b>1.724.491.149</b>

(Phần tiếp theo ở trang 25)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.499.481.713	1.729.027.272
Giá gốc của khoản vốn góp liên doanh	13.750.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.940.498.527	1.365.925.269
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	497.831.260	37.126.165
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	764.225.183	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	39.163.678
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.452.036.683</b>	<b>3.171.242.384</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	-	21.364.389
Chi phí vật liệu, bao bì	3.753.861.065	2.554.080.082
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.588.000	142.760.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.836.648	25.836.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.615.987.123	1.969.809.441
Chi phí bằng tiền khác	908.405.605	534.912.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.309.678.441</b>	<b>5.248.763.334</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.797.558.398	10.910.262.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.121.358.802	584.725.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.179.358	537.799.360
Phí, lệ phí	605.347.846	743.681.087
Chi phí dự phòng	2.847.892.738	2.583.567.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.027.565.487	1.810.011.609
Chi phí bằng tiền khác	12.531.508.346	5.103.571.223
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.593.410.975</b>	<b>22.273.618.799</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền bán phế liệu	117.112.819	4.795.800
Xử lý công nợ	10.508.705	25.693.587
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.018.090.906	56.573.789.091
Thu nhập khác	99.992.485	32.624.082
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.245.704.915</b>	<b>56.636.902.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	147.052.083
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.097.964.133	4.663.141.850
Chi phí khấu hao của tài sản chờ thanh lý	194.667.158	1.253.846.734
Chi phí khác	176.421.002	463.629.028
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.469.052.293</b>	<b>6.527.669.695</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	27.109.794.205	61.772.630.885
+ Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	13.944.981.171	10.420.650.282
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>
<i>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>1.394.498.117</i>	<i>1.042.065.028</i>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	13.164.813.034	51.351.980.603
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
<i>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng nhà xưởng và hoạt động khác</i>	<i>3.291.203.259</i>	<i>12.837.995.151</i>
Thuế TNDN tăng do quyết toán thuế các năm trước	203.869.255	146.310.346
Thuế TNDN được giảm theo TT154/2011	(418.349.435)	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>4.471.221.195</b>	<b>14.026.370.525</b>

**6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.371.535.083	90.348.806.082
Chi phí nhân công	106.835.157.305	76.064.758.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.337.907.377	5.800.755.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.792.054.707	8.552.210.264
Chi phí khác bằng tiền	16.430.580.989	8.395.305.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>299.767.235.461</b>	<b>189.161.835.453</b>

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty

Mối quan hệ

1. Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Công ty mẹ

2. Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Đồng Nai

Công ty con

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thu lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thu lao Hội đồng quản trị	492.806.000	260.200.000
Lương Giám đốc	529.179.604	437.264.211
Lương các nhân viên chủ chốt khác	2.441.083.397	1.422.156.376
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.463.069.001</b>	<b>2.119.620.587</b>

### 8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.013.033.972	28.508.768.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.021.070.019	30.489.586.689
Đầu tư dài hạn khác	4.835.774.817	5.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.869.878.808</b>	<b>64.598.354.739</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	27.847.714.700	21.557.588.750
Phải trả người bán và phải trả khác	29.544.145.336	17.323.785.988
Chi phí phải trả	639.679.338	217.954.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.031.539.374</b>	<b>39.099.328.738</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đô la Mỹ (USD)	49.634,09	812.684,21	1.534.989,17	310.474,61
Euro	-	-	304,38	304,38

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### *Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	29.544.145.336	-	29.544.145.336
Chi phí phải trả	639.679.338	-	639.679.338
Các khoản vay	17.197.714.700	10.650.000.000	27.847.714.700
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	17.323.785.988	-	17.323.785.988
Chi phí phải trả	217.954.000	-	217.954.000
Các khoản vay	7.307.588.750	14.250.000.000	21.557.588.750

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.021.070.019	-	62.021.070.019
Đầu tư dài hạn khác	-	4.835.774.817	4.835.774.817
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.489.586.689	-	30.489.586.689
Đầu tư dài hạn khác	-	5.600.000.000	5.600.000.000

**9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 17 tháng 02 năm 2012.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

**GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUÝ HỒNG**